

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 tháng 9 năm 2024

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1 - Ông Đào Quang Tuấn

2 - Ông Lưu Đình Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Xuân L; Sinh năm: 1968

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Tào Thị H; Sinh năm: 1966

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Xuân L1 trình bày:

Về hôn nhân: Ông L1 và bà Tào Thị H được anh em bạn bè giới thiệu làm quen, sau một thời gian tìm hiểu được gia đình hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục của địa phương, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 17/4/2017. Sau

khi kết hôn với nhau, ông về xã T chung sống với bà H được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên ông đã về Yên Bái ở. Sau khi về Yên Bái, ông đã nhiều lần bàn bạc với bà H ra Yên Bái ở cùng nhưng bà H không đồng ý. Ông và bà H đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Cuộc sống hôn nhân như vậy kéo dài khiến ông vô cùng mệt mỏi và chán nản. Đến nay, ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho ông được ly hôn bà H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, ông L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên ông L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai vay nợ vợ chồng nên ông L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2024, bà Tào Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chồng trước của bà chết từ năm 35 tuổi. Bà ở một mình nuôi con từ khi 35 tuổi đến năm 2017 thì được anh em bạn bè giới thiệu làm quen, sau một thời gian tìm hiểu, nghĩ cảnh người già cần người bầu bạn sau đó bà và ông L1 được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục của địa phương, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 17/4/2017. Sau khi kết hôn, bà và ông L1 sống với tại xã T, sau đó được một thời gian thì ông L1 bảo đi làm ăn xa nhưng thực tế ông L1 đi về Yên Bái để ở. Đến năm 2019 ông L1 gọi bà về Yên Bái để ở nhưng chưa lo lập gia đình cho các con nên bà không đồng ý về Yên Bái. Từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay ông L1 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà, bà H cũng đồng ý ly hôn với ông L1.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai vay nợ vợ chồng nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử cho ông Lê Xuân L1 được ly hôn bà Tào Thị H.

- Về án phí: Ông **L1** chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông **Lê Xuân L1** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với bà **Tào Thị H**. Bà **H** cư trú tại **huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng bà **H** không có mặt nên tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho bà **H** theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Bà **H** đã được thông báo hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng bà **H** đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, ông **L1** vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bà **H** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt ông **L1** và bà **H**.

[5]. Về hôn nhân: Ông **Lê Xuân L1** và bà **Tào Thị H** kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) **xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** vào ngày 17/4/2017 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông **L1** về **xã T** để chung sống với bà **H** được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên ông đã về Yên Bái ở. Sau khi về Yên Bái, ông đã nhiều lần bàn bạc để bà **H** ra Yên Bái ở cùng ông **L1** nhưng bà **H** không đồng ý. Ông **L1** và bà **H** đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông **L1** và bà **H** đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ông **Lê Xuân L1** được ly hôn bà **Tào Thị H**.

[5]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung, ông **L1** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[6]. Về tài sản và nợ chung: Ông **L1**, bà **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[7]. Về án phí: Ông **L1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho ông **Lê Xuân L1** được ly hôn bà **Tào Thị H.**

2. Về án phí: Ông **Lê Xuân L1** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền ông **L1** đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số: 0002307, ngày 22/5/2024. Ông **L1** đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt ông **Lê Xuân L1** và bà **Tào Thị H.** Ông **L1** và bà **H** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Sơn;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn

